

LỄ HỘI CHUYỂN MÙA ĐẦU NĂM Ở ĐÔNG - NAM Á VÀ VIỆT NAM

NGÔ VĂN DOANH *

Đành rằng, mọi lễ tết được gọi là "năm mới" của các dân tộc trên thế giới đều mang một ý nghĩa chuyển tiếp linh thiêng từ thời điểm cuối của một chu trình thời gian cũ đã qua sang thời điểm đầu của một chu trình thời gian mới sẽ đến; thế nhưng, cái chu trình thời gian cũ và mới lặp đi lặp lại ấy của năm mới lại được biểu hiện ở mỗi vùng văn hóa có khác nhau. Do những đặc thù của điều kiện tự nhiên và văn hóa chi phối, tính chất chuyển tiếp linh thiêng của năm mới của các dân tộc Đông - Nam Á cũng có sắc thái riêng của mình.

KHÔNG chỉ các dân tộc bản xứ chưa chịu sự tác động của các nền văn hóa lớn của Đông và Nam Á (tức của Trung Quốc và Ấn Độ), mà hầu hết các dân tộc lớn cư trú tại các vùng đồng bằng lớn ven biển và đã tiếp nhận những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ trong khu vực cũng đều đón tết năm mới vào khoảng thời gian chuyển tiếp giữa mùa khô và mùa mưa (trong tháng Tư dương lịch). Tại Lào, hội lớn nhất trong thời gian chuyển mùa là lễ tết *Pimay* (tên gọi tắt của nhóm từ *cút xông can pimay*, nghĩa là ngày cuối cùng của năm cũ sắp hết, ngày đầu năm mới sắp đến), cũng còn gọi là hội năm mới, hay hội té nước. Như người Lào, các dân tộc khác ở Đông - Nam Á lục địa như người Thái ở Thái Lan, người Khmer ở Cam-puchia và người Miến ở Mi-an-ma cũng đón tết năm mới vào tháng Tư dương lịch, thời kỳ chuyển mùa từ mùa khô sang mùa mưa. Và,

một trong những nét đặc trưng chung nhất cho tết năm mới (*Bun Pimay* của người Lào, *Song - kran* của người Thái, *Chon Chnam Thamay* của người Khmer và *Thagyarmin* của người Miến) là tục té nước để tẩy rửa những cái cũ đi và để cầu nước cho cả một năm mới.

Ở nước ta hầu như tất cả các tháng trong năm của dân tộc Giê - Triêng, một trong những dân tộc thuộc ngữ hệ Môn - Khmer, ở tỉnh Kon Tum (Bắc Tây Nguyên) đều gắn với lịch sản xuất: tháng Giêng (*Khay muôi*) và tháng Hai (*Khay bar*) - bắt đầu phát nương; tháng Ba (*Khay pe*) - đốt rẫy, thu dọn nương; tháng Tư (*Khay poam*) - tra lúa sớm; tháng Năm (*Khay pdap*) - tra lúa muộn; tháng Sáu (*Khay hrâu*) - làm cỏ lúa sớm và lúa muộn; tháng Tám (*Khay tơ hem*) - thu hoạch lúa

* PGS, TS, Viện Nghiên cứu Đông - Nam Á

sớm; tháng Chín (*Khay tchít*) - thu hoạch lúa muộn; tháng Mười (*Khay cu dióit*) - chuẩn bị ăn tết; tháng Mười một (*Khay cu dióit muôi*) - làm nhà, cưới xin và ăn tết; tháng Mười hai (*Khay cu dióit bar*) - đi tìm nương.

Hệ thống lịch pháp của người Ba-na ở Bắc Tây Nguyên gắn với cây lúa còn cụ thể hơn. Đối với người Ba-na, thời kỳ sản xuất gồm mười tháng gọi là *khay pớ giang* bao gồm: tháng Giêng và tháng Hai - làm đất chuẩn bị gieo trồng; tháng Ba và tháng Tư - trỉa lúa; tháng Năm và tháng Sáu - làm cỏ lúa; tháng Bảy và tháng Tám - lúa trở bông; tháng Chín và tháng Mười - thu hoạch; và hai tháng cuối cùng là hai tháng nghỉ (*khay ning nong*) - thời gian của lễ hội và đón tết. Về cơ bản, lịch của người Xơ-đăng (ở Kon Tum) cũng không khác lịch của người Ba-na và Giẻ - Triêng là mấy: Ba tháng đầu năm: phát rẫy; tháng Tư và tháng Năm: trỉa lúa; tháng Sáu và tháng Bảy: làm cỏ; tháng Tám: chuẩn bị cho thu hoạch; tháng Chín và Mười: thu hoạch lúa; tháng Mười một và Mười hai: nghỉ ngơi và làm lễ hội. Không chỉ các dân tộc thuộc ngữ hệ Môn - Khmer, mà cả các dân tộc nói các thứ tiếng Mã Lai - Đa Đảo ở Tây Nguyên cũng đều tổ chức mọi lễ hội lớn của mình, trong đó có tết năm mới vào hai tháng nghỉ ngơi cuối cùng của năm nông lịch (tháng Giêng của người Tây Nguyên tương ứng với tháng Tư hoặc tháng Năm Dương lịch). Ví dụ, năm của người Gia-rai gồm: tháng Một (*blan sa*) và tháng Hai (*blan doa*) là thời gian làm rẫy; tháng Ba (*blan Khâu*) và tháng Tư (*blan Pă*) - thời gian gieo lúa; tháng Năm (*blan Roma*) và tháng Sáu (*blan Năm*) - thời gian làm cỏ cho lúa; tháng Bảy (*blan Juh*) và tháng Tám (*blan Păn*) - gặt lúa sớm; tháng Chín (*blan Doa Ropăn*) và tháng Mười (*blan Pluh*) - thời gian thu hoạch lúa chính vụ; hai tháng cuối cùng của năm không có tên và được gọi là thời gian nghỉ ngơi (*blan Ning Nông*). Như vậy là, theo lịch pháp truyền thông của những cư dân bản địa miền núi ở Đông - Nam Á, tết năm mới thực sự

mang tính bản địa của nhiều cư dân là lễ tết chuyển mùa giữa mùa khô và mùa mưa. Thông thường, mùa mưa ở nhiều khu vực Đông - Nam Á (như Tây Nguyên, miền Trung và miền Nam của Việt Nam), mùa mưa bắt đầu từ cuối tháng Tư đến tháng Mười dương lịch và mùa khô bắt đầu từ cuối tháng Mười đến đầu tháng Tư năm sau. Vào cuối mùa khô, sau khi đã thu hoạch mùa màng và làm lễ mừng cơm mới (thường vào tháng Mười một, tháng Mười hai hoặc tháng Một dương lịch), các dân tộc ở Tây Nguyên thường tổ chức hàng loạt những lễ hội lớn nhỏ, trong đó có tết năm mới. Không khí chuyển mùa của tết năm mới và tập tục đón tết của người Ê-đê được thể hiện thật sinh động trong bài ca lễ tết: "*Đã trọn mùa rét, đã hết mùa lúa, theo tục lệ xưa, chủ làng lễ cúng, ăn mừng năm mới, uống tháng ăn năm, trâu đằm lợn mổ, bà con làng họ, ai nấy đều lo, mừng gửi sắp sẵn...*" Một trong những lễ hội tết điển hình của các dân tộc Tây Nguyên và vùng núi của các tỉnh duyên hải miền Trung Việt Nam là tết Htend của người Hre.

Như nhiều dân tộc khác trên Tây Nguyên, người Hre đón tết vào đầu năm nông lịch, khi mùa khô đã qua, trời bắt đầu có mưa và cây cối bắt đầu nảy lộc (vào khoảng tháng Tư dương lịch). Sau những ngày chuẩn bị tết (giã gạo, ủ rượu cần, lau chùi công cụ, sửa soạn vòng cườm và áo váy, gói bánh, trang trí nhà cửa, cổng làng...), mọi người hồi hộp chờ đón ngày đầu tiên của năm. Khi mặt trời thức dậy, lễ thức đầu tiên mọi nhà đều làm là lễ *Hvang Hnim* (tống tiễn tà ma và những cái xấu đi để đón cái tốt và niềm vui đến). Tiếp đến là lễ cúng mời các thần linh và tổ tiên về ăn tết và phù hộ cho mọi người. Sau hai lễ thức trên, mọi người gói bánh nếp, giết mổ lợn, gà... để chuẩn bị cho lễ cúng trâu ngày hôm sau (*Ta Hreo Capo*). Lễ cúng trâu được tổ chức ngay trước cửa chuồng trâu vào tảng sáng ngày thứ hai của tết với mục đích cầu mong cho con trâu (con vật thân thiết giúp con người kéo gỗ, cày bừa...) được

mạnh khỏe và biết nghe lời người. Sau đấy, chủ nhà dọn cơm, thịt, rượu... mời mọi người cùng ăn uống. Bên các chén rượu cần, mọi người tâm tình, trò chuyện, đánh cồng, nhảy múa, chơi các trò chơi truyền thống... suốt cả ngày và cả đêm. Sang ngày thứ ba, ngày cuối cùng, các gia đình dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ, bày chén rượu ngon ra giữa nhà để đón bà con làng xóm tới thăm hỏi, chúc tụng. Đến thăm nhau, chủ và khách chúc nhau: "cái ốm bỏ đi, làm gì được nấy", "người khỏe, thóc đầy"... Trước kia, những cuộc thăm viếng và vui chơi đầu năm có thể kéo dài tới mười ngày, nửa tháng mới hết tết Htend.

Vì nhiều tác động, trong đó chủ yếu là về thời tiết, cho nên tết năm mới của nhiều dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam và của người Việt ở Việt Nam thường đến sớm hơn một vài tháng so với mùa tết của các dân tộc khác ở Đông - Nam Á. Do chế độ gió mùa tạo nên một vùng tiểu khí hậu có phần khác biệt, nên ở miền Bắc nước ta, giai đoạn chuyển mùa rơi vào tháng Chạp, tháng Giêng âm lịch (tháng Hai và tháng Ba dương lịch). Theo các nhà nghiên cứu, phần bắc của lãnh thổ Việt Nam, tính từ Hoàn Sơn (đèo Ngang) ở khoảng vĩ tuyến 18 độ bắc trở ra, thuộc miền khí hậu phía bắc với nét đặc trưng là: khí hậu **nhật đới** gió mùa có mùa đông lạnh (khoảng 3 tháng). Có hai yếu tố ảnh hưởng đến đặc tính mùa đông của miền Bắc: những đợt nắng ấm (chiếm tới 50% số ngày trong mùa) và sự **thâm nhập** của gió mùa cực đới. Tuy là mùa **khô**, nhưng vào cuối mùa đông, sự xâm nhập của gió mùa cực đới thỉnh thoảng vẫn đem lại những ngày có mưa nhỏ. Chính những trận mưa nhỏ thường được gọi là "mưa phùn" hay "mưa bụi" nổi tiếng này làm cho mùa khô ở miền Bắc bị rút ngắn. Dù mùa hè mới là mùa mưa và kéo dài, cũng như các miền khác, từ tháng Tư đến tháng Mười dương lịch, nhưng ở miền Bắc, thời gian từ cuối tháng Một đến giữa tháng Ba lại là thời kỳ ẩm ướt nhất trong năm). Và mấy tháng ẩm ướt này thường là khoảng thời gian của mùa xuân. Do vậy, thời

gian chuyển mùa từ mùa khô sang mùa mưa ở Bắc Việt Nam (và cả vùng núi phía bắc Đông - Nam Á lục địa nữa) không phải là những tháng khô nóng như thường lệ đối với vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa Đông - Nam Á, mà là cả một thời kỳ ẩm ướt. Dù có một số khác biệt, nhưng, cũng như ở các nơi khác trong khu vực, thời kỳ chuyển mùa của người Việt và nhiều dân tộc thiểu số ở miền núi phía bắc của Việt Nam và Đông Dương là lúc vụ mùa đã thu hoạch hoàn tất; và, thời gian xuống đồng vào vụ làm ăn chính (gieo cấy lúa cũng bắt đầu vào tháng Tư dương lịch, tức đầu mùa mưa. Thế nhưng, vì có cả một mùa xuân ẩm ướt trước khi sang mùa mưa, cho nên, khác với ở các vùng khí hậu nhiệt đới khác trong khu vực Đông - Nam Á, các dân tộc ở miền Bắc Việt Nam bắt đầu một năm sản xuất sớm hơn. Không ít những câu ca dao và tục ngữ của người Việt đã khắc họa khá rõ tiết trời và lịch làm ăn của người nông dân ở Bắc Bộ, như: *"Tháng Chạp là tháng trồng khoai; Tháng Giêng trồng đậu, tháng Hai trồng cà; Tháng Ba cày vỡ ruộng ra; Tháng Tư làm mạ, mưa sa đầy đồng; Ai ơi cùng vợ cùng chồng; Chồng cày vợ cấy trong lòng vui thay!..."* Tết của người Việt chính là khởi đầu cho những ngày nghỉ ngơi, vui chơi đầu năm sau cả một năm làm ăn vất vả. Điều này cũng được nói rõ trong câu ca dao: *"Tháng Giêng ăn tết ở nhà; Tháng Hai cờ bạc, tháng Ba hội hè."*; để rồi, sau đó, từ tháng Tư trở đi sẽ phải xuống đồng cày cấy. Tính chuyển mùa của năm thời tiết cũng như của năm làm ăn trong cái Tết của người Việt thật là rõ. Và, những biểu hiện về một khoảng thời gian nghỉ ngơi, về những ngày hội hè liên tục tại khắp các làng quê và về những mục đích cầu mưa gió thuận hòa, phồn thực âm dương... của nhiều lễ hội xuân đã phần nào cho thấy, như nhiều dân tộc ở Đông - Nam Á (các dân tộc ở Tây Nguyên...), người nông dân Việt Nam xưa kia vốn có cả những tháng nghỉ ngơi, vui chơi, hội hè vào cuối năm cũ và đầu năm mới, hay vào khoảng thời gian chuyển mùa, mà cụ thể là mùa xuân. Rất có thể, do ảnh hưởng của

văn hóa bên ngoài, người Việt đã tiếp thu hệ thống lịch pháp cũng như một số ngày tết quan trọng, trong đó có tết Nguyên Đán của người Trung Quốc. Thế nhưng, cái tết của người Trung Quốc đã hòa nhập vào cả một chuỗi những hội hè trong các tháng nghỉ khi thời tiết chuyển mùa đầu năm truyền thống của những người nông dân Việt Nam. Cái tết Nguyên Đán kia đã từ một lễ hội chuyển mùa đầu năm trở thành Tết cả khởi đầu cho hàng loạt những lễ hội mùa xuân truyền thống với nhiều lễ thức và trò chơi dân gian mang đậm tính chất phồn thực âm dương, sinh trưởng và phát triển, như: tục làm bánh chưng, bánh dày, đánh đu, kéo co, chọi gà, thả chim, múa rồng, trồng cây nêu, chơi cờ người... của người Việt.

Không chỉ tết của người Việt, mà tết năm mới của nhiều dân tộc miền núi phía bắc Việt Nam cũng đều bắt đầu sớm hơn chừng 1 hoặc 2 tháng so với tết năm mới của các dân tộc khác ở Đông - Nam Á. Và, cũng như người Việt, nhiều dân tộc miền núi phía bắc Việt Nam nói riêng và phía bắc Đông Dương nói chung đã tiếp nhận và đón cái tết của người Trung Quốc. Thế nhưng, do chịu ảnh hưởng còn chưa thật mạnh, cho nên, nhiều dân tộc miền Bắc ở nước ta vẫn coi trọng những ngày hội xuân xuống đồng truyền thống của mình hơn. Có thể thấy rõ điều này qua lễ hội *Lông tông* (xuống đồng) của người Tày và một loạt những lễ hội mùa xuân truyền thống của các dân tộc miền núi phía bắc Việt Nam.

Sau khi đón tết Nguyên Đán cho có lệ, từ mùng 2 tết trở ra đến hết tháng Giêng, người Tày mới thực sự bước vào những ngày lễ hội đầu năm lớn nhất, tưng bừng nhất của mình - lễ hội *Lông tông*. Mục đích của lễ hội là tổ chức những ngày vui họp mặt sau một mùa làm ăn của cộng đồng để cầu mùa. Vì diễn ra theo khu vực dân cư, nên lễ hội được tổ chức không trùng vào cùng một ngày ở khắp nơi mà vào những ngày khác nhau trong tháng Giêng do từng địa phương chọn. Lễ hội thường chỉ gói gọn trong một ngày, thế

nhưng, cũng có nơi kéo dài tới 3, thậm chí 4 ngày. Ngoài những lễ thức dâng cúng thần linh, trời đất, là những trò chơi dân gian cổ truyền mang đầy tính chất phồn thực âm dương như *túc còn* (ném còn), *xẻ thỏi* (kéo co), *ván fần fè* (gieo giống má), *túc xáng* (đánh quay), *túc yển* (đánh một loại cầu lông), *kỳ lẩn* (múa sư tử), *phát tàng* (mở đường)... Không còn nghi ngờ gì, như các nhà nghiên cứu đã nhận thấy, hội *Lông tông* là lễ hội đầu năm của người Tày mở đầu cho một chu kỳ sản xuất, cho nên mọi nghi thức, nghi lễ, thậm chí cả các trò chơi của người lớn và trẻ nhỏ đều nhằm vào mục đích cầu mong sinh sôi, phát triển.

Người Giáy cũng có lễ hội xuống đồng *Roóng pọc* (nghĩa là xuống hội). Tại lễ hội này, ngoài các lễ cúng, cũng diễn ra những trò chơi mang tính phồn thực nhằm cầu mong sinh sôi, phát triển như ném còn qua những chiếc vòng mặt trời, mặt trăng; trai gái kéo co... Thế nhưng, đối với người Giáy, *Roóng pọc* là Tết cả và được tổ chức vào tháng Giêng hằng năm. Tính chất của lễ hội đầu năm chuyển mùa còn được thể hiện rõ qua bài cúng của ông thầy mo: "*Ngày này tốt, Năm này lành, Hết năm cũ, Vào năm mới, Cả bản, cả mường, Xuống đồng, ra bãi, Để vui chơi, Mời thần bản về dự, Giữ cho bản mường yên, Giữ ao cá ruộng lúa, Đau ốm không vào, Lúa đây ruộng, cá đây suối.*"

Dù một số nhóm tộc người đã sử dụng âm lịch của người Trung Quốc, nhưng, như nhiều dân tộc ở phía bắc Đông Dương, lễ tết đầu năm của người La-hu vùng Tam giác vàng cũng được tổ chức vào những ngày khác nhau của thời gian chuyển mùa tại những làng khác nhau, tùy theo sự tính toán của các già làng. Nhìn chung, thời gian tổ chức tết năm mới là phải vào lúc công việc đồng áng đã xong, không ai còn phải đi nương hay ra ruộng nữa. Dù rằng phải đợi xem khi nào thì cả làng cùng làm tết, nhưng các công việc chuẩn bị cho tết đã được bắt đầu từ trước đó cả tháng: phụ nữ phải làm quần áo mới cho

các thành viên trong gia đình, vì, những ngày tết là dịp mọi người, nhất là trai, gái đến tuổi thành niên, xuất hiện đẹp nhất với đầy đủ mọi trang sức lễ phục trên người. Những ngày hội tết năm mới bắt đầu bằng việc ông thầy lễ của làng thông báo cho mọi người biết là phải làm bánh *pa pa* (các loại bánh được làm bằng gạo) vào ngày hôm sau. Gia đình nhà ông thầy lễ là gia đình đầu tiên của làng làm bánh *pa pa*. Làm xong, ông thầy lễ bắn súng làm hiệu để mọi nhà bắt tay vào làm bánh tết *pa pa*. Thế là, trong mỗi nhà, mọi người ngồi quây xung quanh cái cối giã để cùng làm nào là bánh để cúng, nào là bánh để ăn. Suốt ngày hôm đó, những người trẻ tuổi thì ra đồng hái cho thật nhiều rau tươi ngon, còn những người đàn ông thì vào rừng chặt cây năm mới (*leh dzuh*) đem về cho nhà mình. Khi mặt trời đã lặn, từ trong ngôi miếu thờ thần bảo hộ của làng, ông thầy lễ của làng thông báo là, sau khi mặt trời lặn, các gia đình phải dựng cây năm mới lên ở trước nhà. Sau đây là lễ tiễn năm cũ. Để làm lễ này, các gia đình phải "tẩy uest" nhà cửa bằng quét bỏ đi hết mọi thứ rác bẩn và cả những đồ ăn cũ. Trong cả ngày đầu năm mới và cả ngày hôm sau, đâu đâu cũng rộn ràng trong tiếng nhạc, điệu múa. Mọi sự cáu giận, cãi cọ... đều là những điều cấm kỵ trong suốt những ngày tết. Tảng sáng ngày cuối cùng của lễ hội năm mới, ông thầy lễ của làng thông báo là "mặt trời đã mọc" để mọi người biết rằng, lễ thức năm mới đã hết. Và, để biểu lộ cho sự kết thúc những lễ thức cũng như những ngày hội năm mới, mỗi gia đình đều lấy một miếng thịt lợn và hai cái bánh gạo buộc vào cây năm mới rồi đem cây năm mới ném vào rừng.

Dù có những khác biệt về thời gian diễn ra lễ hội và về hình thức tổ chức, những ngày lễ hội hay tết năm mới của nhiều dân tộc, về thực chất là những ngày lễ hội thực sự mang ý nghĩa chuyển mùa: cả mùa thời tiết và mùa làm ăn. Tết của các dân tộc là mùa "nghỉ ngơi" không chỉ của thiên nhiên mà còn của cả con người. Suốt mấy tháng cuối năm là cả

một khoảng thời gian thiên nhiên chuyển mình để bước từ trạng thái cũ (mùa khô) sang một trạng thái mới (mùa mưa). Đây là khoảng thời gian rất đẹp cho con người nghỉ ngơi, vui chơi và làm những công việc không phải đồng áng, vì cái khô đã được làm dịu đi bằng những cơn mưa nhỏ thưa thớt, trong khi mùa mưa tâm tã thì còn chưa tới. Vào khoảng thời gian này, con người cũng thực sự được nhàn hạ và no đủ vì mùa màng đã thu hoạch xong, lúa đã về đầy kho, mùa mưa thì chưa tới. Thế là thiện, nhân tương hợp trong mấy tháng chuyển mùa này. Chính hoàn cảnh thiên nhiên đã tạo ra ở Đông - Nam Á một nền văn hóa lấy gieo trồng cây lúa làm cơ bản. Vòng đời của cây lúa lại trải dài ra gần như hết cả một chu trình thời tiết, từ mùa mưa này đến mùa mưa sau. Rất hay là vòng đời của cây lúa ngắn hơn chu trình thời tiết vài tháng. Kết quả là, mấy tháng chuyển tiếp của khí hậu trở thành quãng thời gian hay những tháng nhàn rỗi nhất trong năm để mọi người tổ chức mọi cuộc vui, mọi lễ thức hội hè. Chính vì thế, tết năm mới ở Đông - Nam Á thường là cả một khoảng thời gian lễ thức, hội hè dài cả một mùa chứ không chỉ diễn ra một vài ngày. Không phải ngẫu nhiên mà người Tây Nguyên gọi các tháng lễ hội chuyển mùa là những tháng "quên" hay những tháng "nghỉ".

Trên cái nền của những lễ hội chuyển mùa chung đó, do những hoàn cảnh lịch sử khác nhau tác động, một số dân tộc ở Đông - Nam Á đã khoác lên phức thể lễ hội chuyển mùa truyền thống của mình cái áo choàng của những nền văn hóa hay tôn giáo khác nhau từ bên ngoài du nhập vào. Chính vì thế mới có Tết của Việt Nam, Tết của Lào, Tết của Campuchia, Tết của Thái Lan, Tết của Mi-an - ma... Dù có khoác thêm tấm áo nào đi nữa, những cái tết năm mới ở Đông - Nam Á vẫn toát lên một đặc trưng chung thống nhất: đặc trưng chuyển mùa từ mùa khô sang mùa mưa và từ mùa cây trồng này sang mùa cây trồng sau. □